

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2022

V/v *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Lê Thị Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Trọng Lam và ông Lương Tấn Nghị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam – Thư ký TAND huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 22/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện Tây Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2022/TLST–HNGĐ ngày 10/8/2022 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: **Nguyễn Minh P**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn **Nguyễn Thị Bích T** trình bày: Nguyên đơn và bị đơn **Nguyễn Minh P** tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào năm 2011. Chung sống hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng bất đồng quan điểm hay cãi vã, nhiều lần chồng đánh vợ đuổi ra khỏi nhà nên chị phải vào Sài Gòn bán vé số. Hai bên không còn sống chung từ tháng 3/2021. Nay tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên nguyên đơn xin ly hôn bị đơn.

Về con chung: Có hai con chung **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 23/02/2012 và **Nguyễn Minh L**, sinh ngày 05/6/2014. Lâu nay hai con do anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị T đồng ý để anh P tiếp tục nuôi hai con và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn **Nguyễn Minh P** vắng mặt nhưng có lời khai: Vợ chồng tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn như nguyên đơn trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống, nhiều lần anh P bảo chị T không được đi bán vé số trong Sài Gòn mà ở nhà nuôi con nhưng chị T không đồng ý nên từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ngoài ra không còn lý do nào khác. Do đó, anh P không đồng ý ly hôn, mong muốn

được đoàn tụ. Về con chung: Thống nhất tiếp tục nuôi hai con chung, yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng là 1.500.000đồng/tháng/2 con. Về tài sản không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý cấp dưỡng cho hai con chung là 1.500.000đ/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp ly hôn; Bị đơn có hộ khẩu tại huyện T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có yêu cầu xử vắng mặt, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T ngày 23/5/2011 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm hay cãi nhau, bị đơn không quan tâm chăm lo, có trách nhiệm với gia đình; sự việc nêu trên có xác nhận của UBND xã H. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Con chung: Có hai con chung Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/02/2012 và Nguyễn Minh L, sinh ngày 05/6/2014. Lâu nay hai con chung do bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, đã quen sống với bị đơn và đều có nguyện vọng ở với bị đơn nên tiếp tục giao hai cháu cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đồng/2con, tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý nên HĐXX ghi nhận.

[2.3] Tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.4] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Bích T.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với bị đơn Nguyễn Minh P.

2. Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/02/2012 và Nguyễn Minh L, sinh ngày 05/6/2014 cho bị đơn Nguyễn Minh P trực tiếp nuôi dưỡng.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Bích T phải cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng/2con. Thời gian cấp dưỡng: Kể từ tháng 9/2022 cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện về chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, mà không ai được cản trở.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 5, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005756 ngày 09/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên. Nên nguyên đơn còn phải nộp 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Mỹ Tây (GCNKH số 32, quyền số 01, ngày 23/5/2011);
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mộng Tuyền